| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THƯỜNG XUÂN**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc
"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Long

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Lê Xuân Tơn

- Bà Trần Phương Thảo

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Ánh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc *"tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* - Chị Lê Thị L; Sinh năm: 1989.

*2. Bị đơn:* - Anh Cầm Bá N; Sinh năm: 1987.

Cùng địa chỉ: Thôn Thành Lợi, xã Tân Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2023 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày:

Chị L và anh Cầm Bá N chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Luận Thành Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 13/7/2009.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau có phát sinh Nều mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, đã Nều lần vì

con nên tôi nhẫn nhịn cố gắng chịu đựng, mặc dù hai bên gia đình đã khuyên ngăn nhưng tình hình vẫn không thay đổi, nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Cầm Bá N.

Về con chung: Chị L và anh N có 02 con chung là cháu Cầm Lê Yến N, sinh ngày 08/4/2009 và Cầm Lê TD; sinh ngày 12/6/2019, sau khi ly hôn chị L yêu cầu giải quyết con chung theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản tự khai ngày 28/6/2023 chị L vẫn giữ nguyên về yêu cầu ly hôn. Về con chung chị L thay đổi yêu cầu là đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con là Cầm Lê Yến N và Cầm Lê TD và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, niêm yết công khai theo quy định của pháp luật; Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến Tòa án để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn, tuy Nên bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được.

**Tại phiên tòa:**

Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh N và giữ nguyên lời khai tại bản tự khai ngày 28/6/2023 là đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con là Cầm Lê Yến N và Cầm Lê TD và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000đ/1 tháng/1 con, thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2024 đến khi các con đến tuổi trưởng thành.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại biên bản xác minh nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày 11/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, UBND xã Tân Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã xác nhận: Anh N và chị L có sinh sống tại địa phương, quá trình chung sống vợ chồng có hay xảy ra mâu thuẫn, chính quyền địa phương cũng có đến gia đình can ngăn và hòa giải 01 lần. Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị L và anh N thì anh N đang có mặt tại địa phương, sau đó thì anh N đi làm ăn xa, Tòa án đã phối hợp với chính quyền UBND xã và thôn để tống đạt, niêm yết các giấy tờ tố tụng giải quyết vụ án cho anh N biết nhưng anh N vẫn không hợp tác để giải quyết vụ án.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cầm Lê Yến N, sinh ngày 08/4/2009 và Cầm Lê TD; sinh ngày 12/6/2019, khi ly hôn chị L đề nghị được trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đ/1 tháng/1 con, thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2024 đến khi các con đến tuổi trưởng thành.

- Bị đơn, anh Cầm Bá N trong quá trình giải quyết vụ án vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được tòa án tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Đại diện Viên kiểm sát huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm tra từ thời điểm thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48; Điều 198; khoản 2,3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đều được thực hiện theo đúng quy định Điều 68 và các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn và hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về chuyển Thông báo thụ lý vụ án, các Quyết định đến Viện kiểm sát và tống đạt các văn bản cho đương sự theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 175; các Điều 191, 195, 196,199 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Thực hiện nguyên tắc hòa giải, phiên họp kiểm tra và giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo khoản 1, Điều 205; khoản 2 Điều 207; khoản 2 Điều 208; Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội nước CHXHCNVN.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuẩn bị xét xử đã được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220; điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần hội đồng xét xử theo quy định tại Điều 63; Điều 227, 228, 239, 247 và Chương II Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các Nệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 và Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như nộp các chứng cứ đầy đủ

để bảo vệ quan điểm của mình theo yêu cầu khởi kiện, trình bày quan điểm của mình khách quan, dân chủ.

Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, không có mặt tại địa phương, không có mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật:

Căn cứ khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điêu 28, 39; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; xử cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Cầm Bá N.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Cầm Lê Yến N, sinh ngày 08/4/2009 và Cầm Lê TD; sinh ngày 12/6/2019 cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, Anh N có quyền thăm nam con theo quy định không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Cầm Bá N. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn anh Cầm Bá N có nơi cư trú tại thôn Thành Lợi, xã Tân Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án Nhân dân huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đã thông báo thụ lý vụ án đồng thời tiến hành tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho anh N và chị L nhưng anh N vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên việc hòa giải vụ án không thể tiến hành được, do đó vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được. Vì vậy Tòa án có quyền Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, nhưng bị đơn anh N vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Do đó, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/11/2023 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 13 tháng 12 năm 2023 theo đúng quy đinh tại Điều 227. 233 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng bị đơn anh Cầm Bá N vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân:* Nguyên đơn chị Lê Thị L và bị đơn anh Cầm Bá N chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 13/7/2009 tại UBND xã Luận Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh Nều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không thông cảm cho nhau dẫn đến không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Tòa án đã Nều lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N không đến Tòa án và đều vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa chị Lê Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Cầm Bá N.

Sau khi Tòa án tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ, thấy rằng tình cảm giữa chị L và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nên căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị L với anh Cầm Bá N là phù hợp với pháp luật.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên các cháu là Cầm Lê Yến N, sinh ngày 08/4/2009 và Cầm Lê TD; sinh ngày 12/6/2019. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 cháu Yến N và Thuỳ Dương; yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.000.000đ/1 tháng/1 con, thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2024 đến khi các con đến tuổi trưởng thành.

Xét thấy, chị Lê Thị L có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

chung. Chị L là giáo viên có thu nhập ổn định từ 9.000.000đ đến 10.000.000đ/1 tháng, có nơi ở và thời gian chăm sóc 02 con ổn định, hơn nữa để đảm bảo không xáo trộn về việc ăn ở và học tập của các cháu cũng như để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục một cách tốt nhất cho cháu Yến N và Thuỳ Dương, xét thấy cần giao cháu Yến N và Thuỳ Dương cho chị Lê Thị L trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

- *Về tài sản và công nợ:* Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị L và anh N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 69,70,71,72, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, 273 và 278 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị L.

Chị Lê Thị L được ly hôn anh Cầm Bá N.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Cầm Lê Yến N, sinh ngày 08/4/2009 và Cầm Lê TD, sinh ngày 12/6/2019 cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bị đơn anh Cầm Bá N phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng)/1 tháng/1 con, thời gian cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi cháu Yến N và TD đến tuổi trưởng thành. Anh N có quyền qua lại thăm nom các con không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Nguyên đơn chị Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2022/0002465 ngày 26/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Thường Xuân, số tiền này được trừ vào số tiền án phí phải nộp, theo đó chị Lê Thị L đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Anh Cầm Bá N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

*Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn anh Cầm Bá N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Luận Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Hoàng Văn Long**